| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 31 /2019/QĐST-HNGĐ | *Yên Mô, ngày 3 tháng 5 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019 /TLST/HNGĐ ngày 8 tháng 4 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Cao Thị T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 3, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 3, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 - 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy T2 sinh ngày 25/2/2016 cho chị Cao Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Duy T2 đủ tuổi thành niên.

Anh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Duy T2 được chung sống với chị T. Anh B được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Chị T và các thành viên

trong gia đình không ai được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh B không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai à cũng không cho ai ay nợ tài sản gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Cao Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002102 ngày 8/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn lại cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn B phải nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Y;*
- *Chi cục THADS huyện Y;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Y;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Hoa**